

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG TUẦN 05/03 – 09/03/2018

Diễn biến thị trường thế giới: Trải qua một tuần giảm điểm mạnh

Chỉ số	Điểm số	Tăng giảm 3/4/2018 (%)	P/E	Tăng/giảm kể từ đầu năm (%)
VN-INDEX	1,121.21	0.49	20.70	13.92
Dow Jones	24,538.06	(0.29)	19.82	(0.73)
S&P 500	2,691.25	0.51	21.74	0.66
DAX	11,913.71	(2.27)	15.90	(7.77)
CAC	5,136.58	(2.39)	16.27	(3.31)
Nikkei 225	21,181.64	(2.50)	15.55	(6.95)
Shanghai	3,254.53	(0.59)	16.70	(1.59)
Kospi	2,402.16	(1.04)	15.40	(2.65)
Vàng	1,322.75	0.43		1.53
Dầu WTI	61.25	0.43		1.37

Thị trường chứng khoán Mỹ chứng kiến tuần giảm mạnh nhất kể từ đầu tháng 2/2018 khi lời đe dọa của Tổng thống Donald Trump sẽ áp đặt mức thuế nhập khẩu đối với thép và nhôm. Chỉ số chứng khoán Mỹ đã trải qua tháng 2 đầy khó khăn trước nỗi lo FED tăng lãi suất, lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm tiếp tục tăng và duy trì ở mức cao và diễn biến mới nhất là lo ngại chính sách thuế của ông Trump có thể khơi mào cho cuộc chiến thương mại mới.

Tổng thống Mỹ Donald Trump đe dọa áp đặt mức thuế nhập khẩu 25% đối với thép và 10% đối với nhôm mà không có ngoại lệ với bất kỳ nước nào, thông tin này đã tạo nên một đợt bán tháo trên thị trường chứng khoán từ Mỹ lan sang Châu Âu và Châu Á. Trong khi đó, Bộ trưởng Thương mại, Wilbur Ross, cho biết trên CNBC rằng mức thuế quan sẽ có tác động không đáng kể. Hai chủ đề đang khiến các nhà đầu tư lo ngại nhất ở thời điểm hiện tại là nguy cơ chiến tranh thương mại với các nước đối tác của Mỹ và kết quả cuộc họp chính sách của FED vào ngày 20-21 tháng 3 tới đây.

Tính chung trong tuần qua, Dow Jones sụt 3%, S&P 500 giảm 2% và Nasdaq Composite giảm 1%. Các chỉ số chứng khoán Mỹ đã trải qua tháng 2 với mức sụt giảm mạnh nhất trong vòng 2 năm trở lại đây, chỉ số S&P 500 giảm hơn 3% mức cao nhất kể từ tháng 01/2016:



Dow Jones Industrial Average, Hoa Kỳ, D, NYSE O 24394.91 H 24592.46 L 24217.76 C 24538.06
BB (20, 2) 24880.4845 25769.5046 23991.4644



Về xu hướng dòng vốn quốc tế: Áp lực rút vốn gia tăng

Áp lực báo tháo mạnh trên các thị trường trong tuần qua tiếp tục là yếu tố ảnh hưởng tới dòng vốn khi áp lực rút ròng trên các thị trường tiếp tục gia tăng sau những ảnh hưởng của kỳ họp FED giai đoạn 30/1-7/2/2018.

World		Foreign Portfolio Investment							
Equity	Bond	Portfolio							
Currency	USD	Group By Region							
Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M	YoY Lvl	
Asia		Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	
2) China	12/31			9,249.4	22,824.3	84,598.6	84,598.6		
3) India	02/28	-264.0	-571.3	-1,930.8	107.9	107.9	6,579.6	-42.6	
4) Indonesia	03/02	-49.8	-186.3	-98.7	-726.7	-726.7	-3,568.8	-4,420.6	
5) Japan	02/23		-500.5	-4,401.5	1,272.3	1,272.3	8,505.8	15,868.4	
6) Malaysia	03/01	-6.2	47.4	-6.2	561.5	561.5	2,666.5	3,028.0	
7) Philippines	03/02	-11.9	-75.5	-22.7	-273.1	-273.1	950.8	911.0	
8) S. Korea	03/02	-127.8	-128.0	-127.8	-762.9	-762.9	5,160.8	-8,813.7	
9) Sri Lanka	03/02	-0.9	-3.2	-0.9	38.4	38.4	150.8	123.6	
10) Taiwan	03/02	-583.0	-762.3	-676.0	-1,300.4	-1,300.4	1,913.9	-10,666.3	
11) Thailand	03/02	-113.9	-221.9	-113.9	-1,600.8	-1,600.8	-2,367.7	-4,410.6	
12) Vietnam	03/01	-7.4	-41.9	-7.4	406.3	406.3	1,357.0	1,600.8	
Americas									
14) Brazil	02/28	-331.8	-493.1	-1,289.4	1,689.9	1,689.9	3,783.5	-1,308.9	
15) Canada	12/31			1,297.4	2,262.8	42,462.7	42,462.7	2,626.0	
16) Chile	09/30				19.1	-71.8	122.1	-1,025.9	
17) Colombia	09/30				-174.8	156.6	178.7	1,755.8	
18) El Salvador	09/30				0.0	0.0	0.0	0.0	
19) Mexico	12/31				2,221.9	9,517.8	9,517.8	5,916.7	

Vàng thế giới giảm nhẹ tuần qua bất chấp đà tăng mạnh trong phiên cuối tuần. Các hợp đồng vàng tương lai quay đầu tăng mạnh trong ngày thứ Sáu, khi mối đe dọa của một cuộc chiến thương mại toàn cầu đã khiến chứng khoán và đồng USD suy yếu, qua đó hỗ trợ cho các tài sản trú ẩn an toàn như kim loại quý. Vàng cũng nhận được sự thúc đẩy từ việc nhà đầu tư mua vàng để phòng ngừa khi giá cả leo thang. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng vàng giao tháng 4 tăng 18,20 USD (tương đương 1,4%) lên 1.323,40 USD/oz, nhưng vẫn giảm 0,5% trong tuần qua. Trái ngược, đồng USD suy yếu ngay sau dòng tweet của Tổng thống Trump, cụ thể, chỉ số đồng USD (ICE U.S. Dollar Index) – thước đo diễn biến của đồng USD so với 6 đồng tiền chủ chốt khác – lùi 0.4% xuống 89.957, rút khỏi đỉnh 6 năm ghi nhận được trong tuần này.



Tuần qua, giá dầu WTI giảm 3.6%, giá dầu Brent sụt 4%. Các hợp đồng dầu thô tương lai quay đầu tăng nhẹ trong ngày thứ Sáu, qua đó chấm dứt chuỗi 3 phiên sụt giảm liên tiếp sau khi dữ liệu cho thấy số giàn khoan dầu đang hoạt động tại Mỹ chỉ tăng nhẹ. Dữ liệu từ Baker Hughes cho biết số giàn khoan dầu đang hoạt động tại Mỹ chỉ tăng 1 giàn lên 800 giàn trong tuần này. Giá dầu đã suy yếu hồi đầu phiên, một phần do tuyên bố hôm thứ Năm (01/03) của Tổng thống Mỹ Donald Trump rằng ông sẽ áp đặt mức thuế nhập khẩu đối với thép và nhôm, qua đó làm dấy lên lo ngại về một cuộc chiến thương mại toàn cầu và góp phần vào hoạt động bán tháo chứng khoán trên toàn cầu.

Dẫu vậy, các hợp đồng này vẫn giảm mạnh trong tuần qua. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 4 trên sàn Nymex tăng 26 xu (tương đương 0,4%) lên 61,25 USD/thùng, nhưng vẫn giảm 3,6% trong tuần qua.



Diễn biến thị trường trong nước: Giằng co tại vùng đỉnh

Tuần qua, TTCK Việt Nam là một trong những thị trường có mức ảnh hưởng ít nhất từ áp lực bán tháo của thị trường chứng khoán thế giới. Chỉ số VN-INDEX vẫn tiếp tục duy trì được xu hướng tăng và tiệm cận lại vùng đỉnh cũ 1.120-1.130.

Tuy nhiên áp lực bán tăng cao ở vùng đỉnh khiến VN-Index duy trì trạng thái giằng co và không thể bứt phá mạnh. Sự luân chuyển dòng tiền giúp các nhóm ngành dẫn dắt như Ngân hàng, chứng khoán, Dầu khí và Bất động sản thay phiên nhau tăng giá và là điểm tựa chính giúp VN-Index giữ được sắc xanh khi kết tuần. Dù nhóm Tài chính được chú ý, tuy nhiên Bất động sản mới là điểm nhấn của tuần giao dịch. Cụ thể, chỉ số VN-Index tăng 18,36 điểm (+1,66%) lên 1.121,21 điểm và chỉ số HNX-Index tăng 2,01 điểm (+1,59%) lên 128,25 điểm. Khối lượng giao dịch trung bình phiên trên sàn HSX đạt 220 triệu đơn vị/phiên tăng 16,5% và giá trị giao dịch trung bình phiên đạt 7.094 tỷ đồng tăng 18,9% so với tuần trước; khối lượng giao dịch trung bình sàn HNX đạt 66,5 triệu cổ phiếu/phiên tăng 26,4% và giá trị giao dịch trung bình phiên đạt 1.144 tỷ đồng tăng 29,5% so với tuần giao dịch trước đó. Tuy nhiên, mức thanh khoản hiện tại vẫn thấp hơn khá nhiều so với thanh khoản tại vùng đỉnh cũ trước đó nên khả năng vượt đỉnh vẫn cần tín hiệu gia tăng mạnh về dòng tiền để củng cố xu hướng.

Các chỉ số kết tuần với 4 phiên tăng và 1 phiên giảm điểm, có nhiều thời điểm áp lực chốt lời gia tăng khiến các chỉ số điều chỉnh giảm khá, tuy nhiên với sức cầu mạnh đã giúp các chỉ số tiếp tục duy trì đà tăng điểm để kết tuần với mức tăng nhẹ. Thanh khoản thị trường cải thiện hơn so với tuần trước, tuy nhiên tình trạng xanh vỏ đỏ lòng xuất hiện ở nhiều phiên cho thấy xu hướng chung của thị trường vẫn chưa đạt được sự đồng thuận cao. Tuy vậy, cung cầu vẫn được duy trì khá cân bằng. VN-Index kết thúc tuần giao dịch tăng gần 20 điểm nhưng đóng góp điểm số tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu Large Cap. Hầu hết các cổ phiếu nhóm Mid Cap, Small Cap và Micro Cap đều phân hóa khá mạnh trong tuần qua.

Nhóm Dầu khí và Ngân hàng thu hút dòng tiền khá tốt và thay phiên dẫn dắt thị trường trong tuần qua. Ở nhóm Large Cap, hầu hết các cổ phiếu trụ dẫn dắt như VNM, MSN, VIC, SAB, VRE, BVH... đều rơi vào trạng thái giằng co quyết liệt. Dòng tiền lớn có sự phân hóa mạnh mẽ và luân chuyển giữa các cổ phiếu nhưng chỉ đủ lực để duy trì sắc xanh ổn định cho thị trường. Phiên cuối tuần, ảnh hưởng từ TTCK thế giới khiến VN-

Index nhanh chóng điều chỉnh ngay từ đầu phiên giao dịch. Tuy nhiên, các yếu tố tích cực về dòng tiền vẫn được giữ vững và tạo động lực hồi phục mạnh về cuối phiên. Nhờ đó, VN-Index đã tái chiếm thành công mốc 1.120 điểm. Đáng chú ý, dù nhóm Ngân hàng và Chứng khoán giữ vững sắc xanh tạo niềm tin cho thị trường nổi bật như VCB, BID, CTG... Đối với nhóm chứng khoán, SSI tiếp tục đà tăng giá mạnh mẽ và vượt đỉnh trong tuần qua. Mặc dù giá dầu điều chỉnh nhưng GAS và PVS vẫn giao dịch rất tích cực hỗ trợ thị trường duy trì sắc xanh. Tuy nhiên, Bất động sản mới là nhóm cổ phiếu nổi bật nhất khi thu hút mạnh dòng tiền chảy vào với tín hiệu đáng chú ý của: DXG, DIG, NVL, NLG, KDH, HDG, LDG...

Cần lưu trong tuần qua khối ngoại đã bán ròng rất mạnh. Cụ thể, họ bán ròng 1.079 tỷ đồng trên sàn HSX và bán ròng 91 tỷ đồng trên sàn HNX. Trên HSX, khối ngoại bán ròng tập trung vào các mã như HPG, VNM, BID, VCB, VJC,... Ở chiều ngược lại, họ mua ròng các mã như VIC, SBT, MSN, DXG... Trên HNX, khối ngoại bán ròng nhiều mã VGC, HUT, SHS. Đây cũng là một trong các nguyên nhân khiến đà tăng của thị trường bị kìm hãm. Bên cạnh đó là ảnh hưởng từ TTCK Mỹ đến từ dự báo về các đợt tăng lãi suất của FED nên dòng tiền vào TTCK tại các thị trường mới nổi và cận biên vẫn đang giảm. Điểm đáng chú ý là các cổ phiếu bị NĐTNN bán mạnh như HPG, VJC vẫn duy trì tăng giá khá tốt, riêng HPG vượt đỉnh là điểm khá tích cực.

Cơ cấu danh mục ETF: Quỹ FTSE Vietnam Index thêm VRE, TCH và PDR, loại GTN

Như vậy, cổ phiếu VRE đã được bổ sung vào cả 2 rổ chỉ số FTSE Vietnam Index và MVIS Vietnam Index với tỷ trọng lớn, đồng nghĩa với việc có khá nhiều cổ phiếu lớn khác sẽ bị hạ tỷ trọng để cân bằng danh mục. Đây sẽ là một lượng cung đáng kể cho thị trường trong những phiên tới

Về mặt kỹ thuật:



VN-Index ghi nhận tuần hồi phục thứ 3 liên tiếp với 4 phiên tăng điểm. Giao dịch trên thị trường trở nên sôi động hơn với sự tham gia của dòng tiền chủ động gom hàng ở các vùng giá thấp. Dù có nhiều thông tin tiêu cực trên TTCK thế giới trong tuần qua nhưng tâm lý nhà đầu tư đã không còn bị chi phối quá nhiều bởi các thông tin này. Tuy nhiên, áp lực bán mạnh ở vùng đỉnh cũ vẫn khiến thị trường chưa thể tăng trưởng, từ

đó tạo sự giằng co mạnh trong suốt tuần qua. Với diễn biến này thì VN-Index có thể trạng thái tăng điểm trong ngắn hạn, xu thế tăng trung và dài hạn vẫn được duy trì từ năm 2017 cho tới nay. Trong tuần tới VN-Index sẽ kiểm nghiệm lại vùng đỉnh cũ 1.130- 1.140 điểm.



Tương tự VN-Index, HNX-Index có tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp. Chỉ số này cũng đã tăng từ mức đáy quanh vùng 113 điểm lên 128 điểm hiện tại, tương ứng với mức tăng 15 điểm (+13,2%). HNX-Index kiểm nghiệm thành công vùng đỉnh cũ tương ứng ngưỡng 127-128 điểm. Như vậy, HNX-Index đã trở lại xu thế tăng điểm trong ngắn hạn, trong khi xu thế tăng trung và dài hạn vẫn được duy trì từ năm 2017 cho tới nay.

Chiến lược đầu tư: Ưu tiên chiến lược nắm giữ, chọn lọc giải ngân mới

Như vậy, các chỉ số chứng khoán Việt Nam đã có 3 tuần hồi phục tích cực, chúng tôi nhận thấy diễn biến hồi phục đã diễn ra trên diện rộng ở hầu hết các phân lớp cổ phiếu và những nhóm cổ phiếu dẫn dắt như ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, bất động sản... Nhiều nhóm cổ phiếu đã có mức hồi phục lớn so với đáy với mức tăng giá trung bình từ 20%-25% chỉ trong khoảng thời gian ngắn vừa qua sẽ khiến áp lực chốt lời tiếp tục gia tăng trong tuần tới, nhất là khi các chỉ số chính đang dần tiệm cận trở lại vùng đỉnh cũ tương ứng vùng 1.130 điểm với VN-Index và 128 điểm với HNX-Index.

Trong giai đoạn này, nhà đầu tư ngắn hạn nên ưu tiên chiến lược nắm giữ các cổ phiếu đã có lời, hạn chế giải ngân mới hoặc mua đuổi giá cao. Chiến lược bán chốt lời hoặc giảm tỷ trọng có thể được thực hiện trong 2 kịch bản: **Trường hợp tích cực là khi VN-Index vượt qua vùng 1.130 điểm lên vùng 1.160-1.170 điểm, còn tiêu cực là khi VN-Index phá vỡ ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm.** Trong đó, kể cả kịch bản vượt đỉnh hoặc điều chỉnh theo mô hình hai đỉnh đều đang ở xác suất tương đương nhau. Việc thận trọng quan sát diễn biến trong giai đoạn này là cần thiết khi thị trường vẫn đang chịu áp lực của: **(1) NDTNN duy trì bán ròng liên tục; (2) Việc tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF; (3) FED họp và quyết định chính sách vào phiên họp 20-21 tháng 3.**

Với nhà đầu tư trung và dài hạn, chúng tôi cho rằng thị trường vẫn đang trong giai đoạn phát triển mạnh về quy mô khi thu hút được những dòng tiền lớn cả trong và ngoài nước thông qua các đợt IPO, niêm yết và

thoái vốn của các doanh nghiệp lớn. Do đó, các cổ phiếu vốn hóa lớn vẫn sẽ là lựa chọn ưu tiên của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, mùa ĐHCĐ sẽ nở rộ trong khoảng hơn 1 tháng tới và khi đó, kết quả kinh doanh quý I/2018 của các doanh nghiệp mới dần hé lộ. Về nhóm ngành, chúng tôi vẫn khuyến nghị ưu tiên các nhóm ngành dẫn dắt thị trường như Ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng, bán lẻ và hàng tiêu dùng, dầu khí...

CLTT xin gửi kèm bản nhận định này danh mục các cổ phiếu theo dõi trung dài hạn và danh mục trading ngắn hạn. Ngoài ra thì dưới đây là một số gợi ý danh mục cổ phiếu theo dõi theo nhóm ngành chúng tôi theo dõi.

Danh mục cổ phiếu theo dõi theo nhóm ngành:

- Ngân hàng (MBB, ACB, BID, CTG, VCB)
- Nguyên vật liệu (C32, CVT, HPG, HSG ...)
- Dệt may (TCM, TNG,...)
- Bảo hiểm (BVH, BMI, PVI...)
- Chứng khoán (SSI, HCM, VND, MBS, CTS, SHS...)
- Phân bón (BFC, DPM, SFG, DCM,...)
- Dầu khí (GAS, PVS, PVT, PXS...)
- Bất động sản (KBC, VIC, CEO, TDH, SJS, DXG, VCG,...)
- Cao su (PHR, DPR, TRC)
- Nhựa (BMP, NTP, AAA)
- Thực phẩm đồ uống (VNM, QNS)
- Bluechips khác: REE, FPT

No	Ticker	ICB Sector Name	EPS 4Q	Book value	P/E	PB	Price	Average Volume (D-30)	5 days Performance (%)
1	VCB	Banks	1,929	15,034	37.22	4.78	71800	2,502,747	0.56
2	BID	Banks	1,678	12,801	22.52	2.95	37800	2,833,886	1.89
3	CTG	Banks	2,017	16,652	16.21	1.96	32,700.0	8,459,114	7.57
4	VPB	Banks	4,485	20,331	13.80	3.04	61900	3,941,587	5.81
5	MBB	Banks	2,135	15,116	16.02	2.26	34200	6,703,588	3.64
6	ACB	Banks	1,882	15,644	24.71	2.97	46,500.0	5,033,252	4.03
7	HDB	Banks	911	11,502	47.80	3.79	43550	4,693,381	(2.24)
8	STB	Banks	380	12,632	41.36	1.24	15700	21,707,190	(4.56)
9	VIB	Banks	1,125	15,489	30.22	2.20	34,000.0	484,557	11.11
10	LPB	Banks					14,900.0	2,775,288	(5.10)
11	SAB	Beverages	6,874	23,119	33.17	9.86	228000	107,885	(5.00)
12	BHN	Beverages	3,236	24,435	45.74	6.06	148000		(1.46)

								14,839	
13	DPM	Chemicals	1,714	20,911	13.19	1.08	22,600.0	1,494,220	(5.24)
14	DCM	Chemicals	1,499	11,545	8.24	1.07	12350	1,662,273	(2.76)
15	PHR	Chemicals	3,571	29,603	13.78	1.66	49200	344,414	6.96
16	BFC	Chemicals	4,923	18,138	6.95	1.89	34200	191,441	3.32
17	DPR	Chemicals	6,605	51,918	6.25	0.80	41,300.0	57,818	3.51
18	LAS	Chemicals	1,479	11,960	9.27	1.15	13,700.0	161,132	0.00
19	VCS	Construction & Materials	12,940	26,596	18.01	8.76	233,000.0	75,770	8.57
20	CTD	Construction & Materials	20,390	89,431	8.52	1.94	173800	249,752	(3.98)
21	SDI	Construction & Materials	6,687	25,710	15.10	3.93	101,000.0	63,858	(2.98)
22	VCG	Construction & Materials	1,491	13,428	17.58	1.95	26,200.0	2,832,849	10.55
23	VGC	Construction & Materials	2,042	13,919	11.66	1.71	23,800.0	1,159,118	(2.86)
24	BMP	Construction & Materials	5,323	29,993	16.76	2.97	89,200.0	569,040	(4.50)
25	DIG	Construction & Materials	247	11,593	108.95	2.32	26900	3,316,429	12.79
26	NTP	Construction & Materials	5,336	23,439	12.56	2.86	67,000.0	64,577	(4.15)
27	HBC	Construction & Materials	6,726	15,657	5.75	2.47	38,700.0	1,485,310	(1.53)
28	KSB	Construction & Materials	4,461	14,848	9.85	2.96	43950	264,844	12.69
29	CVT	Construction & Materials	6,899	17,358	6.80	2.70	46900	576,967	3.08
30	NT2	Electricity	2,762	17,317	11.40	1.82	31500	312,114	(7.08)
31	PPC	Electricity	5,165	17,937	3.85	1.11	19,900.0	159,713	(1.97)
32	PAC	Electronic & Electrical Equipment	4,282	13,271	9.34	3.01	40000	46,765	(3.61)
33	MSN	Financial Services	1,902	16,626	48.12	5.50	91,500.0	675,960	1.89
34	SSI	Financial Services	1,859	18,016	20.44	2.11	38,000.0	6,785,756	7.95
35	KDH	Financial Services	1,777	11,695	20.59	3.13	36600	348,022	11.25
36	HCM	Financial Services	3,439	20,164	23.23	3.96	79900	493,017	(0.13)
37	KBC	Financial Services	1,235	17,669	10.64	0.74	13150	3,586,726	(0.75)
38	VND	Financial Services	2,302	11,859	11.51	2.23	26,500.0	2,180,822	17.35
39	MBS	Financial Services	159	10,479	99.27	1.51	15,800.0	262,762	4.64
40	FPT	Fixed Line Telecommunications	4,102	20,024	14.90	3.05	61,100.0	2,245,757	0.99
41	QNS	Food & Drug Retailers	6,875	19,056	9.43	3.40	64,800.0	306,765	5.88
42	VNM	Food Producers	6,422	16,544	31.03	12.05	199300		(1.34)

								689,220	
43	KDC	Food Producers	2,738	30,926	14.98	1.33	41000	426,747	(1.20)
44	VHC	Food Producers	5,876	30,298	8.98	1.74	52,800.0	233,114	(0.38)
45	HPG	General Industrials	5,404	19,797	12.27	3.35	66300	6,526,491	7.63
46	AAA	General Industrials	3,605	16,470	7.66	1.68	27600	1,281,632	(3.66)
47	VRE	General Retailers	2,081	12,348	26.52	4.47	55200	3,506,184	6.98
48	PNJ	General Retailers	6,224	25,240	26.24	6.47	163,300.0	336,467	(4.34)
49	PTB	Household Goods & Home Construction	10,921	35,595	11.31	3.47	123500	85,210	(1.98)
50	RAL	Household Goods & Home Construction	15,936	57,704	8.53	2.36	136000	22,442	(1.31)
51	REE	Industrial Engineering	5,300	24,822	7.04	1.50	37,300.0	1,348,719	(6.28)
52	HSG	Industrial Metals & Mining	3,850	14,665	6.39	1.68	24,600.0	3,863,109	(4.84)
53	NKG	Industrial Metals & Mining	6,396	21,180	5.38	1.62	34,400.0	525,184	(2.82)
54	GMD	Industrial Transportation	1,883	21,322	23.36	2.06	44000	1,099,787	2.80
55	BVH	Nonlife Insurance	2,101	20,535	39.23	4.01	82400	531,021	(2.83)
56	GAS	Oil & Gas Producers	4,624	20,742	25.30	5.64	117000	958,435	5.41
57	PLX	Oil & Gas Producers	3,721	16,811	23.38	5.18	87000	1,318,811	4.95
58	PVS	Oil Equipment, Services & Distribution	2,012	23,733	12.43	1.05	25,000.0	8,621,036	8.70
59	PVD	Oil Equipment, Services & Distribution	-	1		0.66	22200	3,659,838	6.99
60	BSR	Oil Equipment, Services & Distribution	0				31,300.0		
61	TCM	Personal Goods	3,167	20,216	8.78	1.38	27800	758,278	2.21
62	DHG	Pharmaceuticals & Biotechnology	4,820	21,591	21.68	4.84	104,500.0	244,086	0.00
63	IMP	Pharmaceuticals & Biotechnology	2,766	32,314	23.06	1.97	63,800.0	19,477	1.92
64	VIC	Real Estate Investment & Services	1,795	11,254	52.63	8.40	94500	2,694,163	3.17
65	NVL	Real Estate Investment & Services	3,396	15,305	25.27	5.61	85800	2,328,288	4.63
66	DXG	Real Estate Investment & Services	2,494	12,588	14.16	2.80	35300	3,942,662	5.53
67	NLG	Real Estate Investment & Services	3,086	16,319	10.69	2.02	33000	586,982	7.53
68	HDG	Real Estate Investment & Services	2,166	14,141	22.62	3.47	49000	188,367	5.38
69	MWG	Technology Hardware & Equipment	6,464	17,040	18.80	7.13	121500	482,880	1.42
70	DGW	Technology Hardware & Equipment	1,705	16,632	13.55	1.39	23100	388,244	(1.28)
71	VJC	Travel & Leisure	8,298	10,573	24.34	19.11	202000	1,033,629	3.59
72	HVN	Travel & Leisure	1,685	12,776	33.77	4.45	56,900.0		7.56

